

Số: 519 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2022

**BÁO CÁO****Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**  
(Từ 16h00 ngày 14/4/2022 đến 16h00 ngày 15/4/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

**I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới**

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 503,1 triệu ca, trên 6,2 triệu ca tử vong.

Khách du lịch từng mắc COVID-19 đến Lào không cần xét nghiệm trước, chỉ cần có giấy xác nhận của cơ quan y tế. Bộ Y tế Lào cho biết một phần của kế hoạch mở cửa toàn phần đất nước bao gồm việc cho phép khách quốc tế từng mắc COVID-19 không cần phải xét nghiệm PCR trước khi nhập cảnh. Khách du lịch khi đến Lào chỉ cần xét nghiệm thêm bằng phương pháp xét nghiệm nhanh, thời gian chờ đợi kết quả sẽ phụ thuộc vào số lượng người nhập cảnh ở từng thời điểm. Nếu kết quả xét nghiệm nhanh là âm tính, du khách có thể nhập cảnh mà không cần cách ly, ngược lại, người cho kết quả dương tính sẽ được đánh giá triệu chứng để cách ly tại khách sạn nếu ở thể nhẹ hoặc đưa đi điều trị tại cơ sở y tế nếu ở thể nặng.

Hàn Quốc đã quyết định dỡ bỏ hoàn toàn các biện pháp giãn cách phòng dịch COVID-19 từ ngày 18/4 đồng thời hạ cấp độ dịch bệnh COVID-19 xuống cấp độ 2 từ ngày 25/4. Với quyết định mới trên, Hàn Quốc đã chính thức quay trở lại với cuộc sống thường nhật, kết thúc 757 ngày thực hiện các biện pháp giãn cách vì đại dịch COVID-19. Hàn Quốc bắt đầu áp đặt các biện pháp giãn cách xã hội từ ngày 22/3/2020.

**II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam**

Tính đến 16h00 ngày 15/4/2022, cả nước ghi nhận 10.394.533 ca mắc, trong đó 10.388.356 ca trong nước. Đến nay đã có 8.863.044 người khỏi bệnh, 42.901 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 10.391.681 ca, trong đó có 10.386.786 ca trong nước, 8.860.227 người đã khỏi bệnh (85,3%), 42.866 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

**III. Tình hình dịch trong ngày****1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 20.076 ca dương tính, trong đó có 20.076 ca ghi nhận trong nước tại 61 tỉnh thành phố: Hà Nội (1.425), Phú Thọ (1.094), Bắc Giang (935), Yên Bái (895), Quảng Ninh (887), Nghệ An (865), Vĩnh Phúc (813), Hồ Chí Minh (743), Tuyên Quang (687), Đắk Lắk (671), Hải Dương (610), Bắc Kạn (595), Lào Cai (548), Quảng Bình (532), Thái Nguyên (528), Thái Bình (511), Bắc Ninh (506), Lạng Sơn (405), Gia Lai (361), Sơn La (353), Cao Bằng (336), Hưng Yên (309), Lâm Đồng (302), Quảng Trị (269), Ninh Bình (265), Nam Định (262), Hà Nam (262), Hà Tĩnh (255), Bình Định (248), Tây Ninh (231), Quảng Nam (226), Lai Châu (225), Hòa Bình (215), Bình Phước (210), Điện Biên (206),

Hà Giang (202), Vĩnh Long (196), Đà Nẵng (190), Cà Mau (184), Phú Yên (150), Đắk Nông (148), Bình Dương (147), Thanh Hóa (119), Quảng Ngãi (110), Hải Phòng (106), Bà Rịa - Vũng Tàu (106), Bình Thuận (97), Bến Tre (94), Thừa Thiên Huế (92), An Giang (71), Long An (62), Khánh Hòa (61), Trà Vinh (33), Bạc Liêu (31), Kon Tum (25), Kiên Giang (23), Cần Thơ (14), Đồng Nai (13), Ninh Thuận (8), Hậu Giang (7), Đồng Tháp (2).

- Trong ngày, ghi nhận bổ sung 53.858 ca mắc tại Nghệ An sau khi rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin.

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Bắc Giang (+253), Hà Giang (+89), Phú Yên (+68).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Hà Nội (-252), Lào Cai (-200), Lâm Đồng (-187).

## **2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng**

- Cả nước ghi nhận 15.555 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 77,5% tổng số mắc trong ngày), giảm 3.015 ca so với ngày trước đó.

+ Tỉnh Quảng Ninh: Trong ngày ghi nhận 806 ca cộng đồng (bằng với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 328.028 ca.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 749 ca thông qua sàng lọc (giảm 208 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 306.577 ca.

+ TP. Hồ Chí Minh: Trong ngày ghi nhận 743 ca thông qua sàng lọc (giảm 134 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 605.596 ca.

+ Tỉnh Vĩnh Phúc: Trong ngày ghi nhận 712 ca cộng đồng (giảm 83 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 359.143 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Ninh Thuận tăng 6 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Đắk Lắk (giảm 7.627 ca), Yên Bái (giảm 7.112 ca).

## **3. Kết quả giám sát điều trị**

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 8.860.227 người đã khỏi bệnh (85,3%), tăng 6.417 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 1.488.588 trường hợp, trong đó có 1.242 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 953 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 81; (3) Thở máy không xâm lấn: 54; (4) Thở máy xâm lấn: 151 (5) Thở ECMO: 3.

- Trong ngày 14/4, ghi nhận 23 trường hợp tử vong (tăng 3 ca so với ngày trước đó), tại: Cao Bằng (3), Khánh Hòa (3), Bình Định (2), Đắk Lắk (2), Gia Lai (2 ca trong 2 ngày), Bến Tre (1), Cần Thơ (1), Đồng Nai (1), Đồng Tháp (1), Hà Giang (1), Hải Dương (1), Hậu Giang (1), Kiên Giang (1), Nghệ An (1), Phú Thọ (1), Trà Vinh (1).

## **IV. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Bộ Y tế ban hành Công văn số 1909/BYT-DP ngày 15/4/2022 về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19 và biện pháp y tế đối với ca bệnh COVID-19 và người tiếp xúc gần.

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp

thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

#### V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 14/4/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 45.043.717 mẫu cho 89.326.637 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 39.304.020 mẫu tương đương 85.578.698 lượt người, tăng 26.630 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 7.055.018 mẫu gộp cho 49.859.652 lượt người.

#### VI. Công tác tiêm chủng:

##### 1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Từ tháng 3/2021 đến ngày 15/4/2022, đã tiếp nhận 233,8 triệu liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=2+3+4+5	
1	AstraZeneca	31.436.236	34.086.840	13.572.980	20.127.460	386.400	65.523.076
2	Pfizer	50.999.130	43.324.890	38.732.850	4.592.040	0	94.324.020
3	Moderna	0	14.998.760	14.957.960	40.800	0	14.998.760
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
<b>I</b>	<b>Tổng số vắc xin đã tiếp nhận</b>	107.435.366	126.430.688	67.324.990	32.242.300	26.863.398	<b>233.866.054</b>
<b>II</b>	<b>Số vắc xin đã phân bổ</b>						<b>212.240.576</b>
<b>III</b>	<b>Số vắc xin viện trợ cho Lào</b>						<b>500.000</b>
<b>IV</b>	<b>Số vắc xin còn lại chưa phân bổ<sup>1</sup></b>						<b>21.125.478</b>

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 233,8 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 211,2 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 21,1 triệu liều chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

##### 2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 14/4/2022

Cả nước đã tiêm 209.101.297 liều (trong ngày tiêm được 136.357 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 98,5% số vắc xin phân bổ 142 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

<sup>1</sup> 21 triệu liều chưa phân bổ gồm: 7 triệu liều Pfizer mua; 2,2 triệu liều Pfizer do Chính phủ Úc viện trợ; 11,8 triệu liều Pfizer do COVAX viện trợ.

<b>Đối tượng<sup>2</sup></b>	<b>Mũi 1</b>	<b>Mũi 2</b>	<b>Mũi 3*</b>
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	100%	52,0%
Trẻ em (12-17 tuổi)	100%	95,7%	-

Ghi chú: (\*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 191.865.222 liều:

+ Mũi 1: 71.407.954 liều

+ Mũi 2: 70.018.689 liều ; Mũi bổ sung: 15.055.572 liều.

+ Mũi 3: 35.383.007 liều

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.236.075 liều:

+ Mũi 1: 8.823.119 liều

+ Mũi 2: 8.412.956 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

**VII. Hoạt động của các Bộ, ngành:** chi tiết tại Phụ lục 4.

### **VIII. Nhận định**

Kể từ khi xuất hiện, sau hơn hai năm dịch COVID-19 do các biến thể mới của SARS-CoV-2 liên tục xuất hiện, khiến quá trình lây lan nhanh hơn và mức độ nhiễm bệnh nhiều hơn so với chủng ban đầu<sup>3</sup>. Đến nay, hầu hết các quốc gia đã nới lỏng các biện pháp phòng chống dịch COVID-19, một số quốc gia Đông Nam Á đã đưa ra tiêu chí để coi COVID-19 là bệnh lưu hành như Indonesia, Thái Lan<sup>4</sup>. Trong khi đó, Trung Quốc vẫn duy trì chiến lược "Zero Covid" và hàng loạt các biện pháp phong tỏa, cách ly và xét nghiệm quy mô lớn để ngăn chặn sự lây lan của dịch. Dịch COVID-19 đang có diễn biến phức tạp tại Thượng Hải, Hồng Kông. Tại Việt Nam, dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Từ cuối tháng 12/2021, sau khi ghi nhận ca mắc đầu tiên biến thể Omicron, số mắc cả nước tăng cao nhất trong 03 tuần đầu của tháng 3 do biến thể Omicron đã chiếm chủ đạo về số mắc, sau đó giảm mạnh từ cuối tháng 3 đến nay, số ca mắc cộng đồng trung bình 19.000 ca/ngày và tử vong trung bình 25 ca/ngày trong 7 ngày qua.

### **IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới**

#### **1. Các địa phương**

1.1. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

1.2. Đánh giá xu hướng tăng/giảm ca nặng, số ca nhập viện so với số ca mắc để đánh giá nguy cơ tình hình dịch, không để quá tải hệ thống y tế.

<sup>2</sup> Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

Biến thể Alpha (ghi nhận tại Anh); Beta (Nam Phi); Gamma (Brazil), Delta (Ấn Độ), MU (Colombia), Omicron (Nam Phi) với nhiều biến thể phụ BA.1, BA.2, biến thể IHU (Pháp), gần đây là biến thể XE.

Báo cáo số 1031/BC-BNG-THKT ngày 22/3/2022 của Bộ Ngoại giao.

1.3. Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay khi có vắc xin.

1.4. Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu.

## 2. Bộ Y tế:

2.1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin theo kế hoạch; đảm bảo cung ứng vắc xin đầy đủ và chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm chủng cho nhóm trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin. Tiếp tục nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế về việc tiêm mũi tăng cường 4 và tiêm cho trẻ dưới 5 tuổi.

2.2. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá, điều chỉnh, cập nhật các hướng dẫn chuyên môn trong phòng chống dịch trong giám sát, điều trị đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

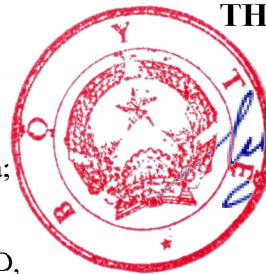
2.3. Tiếp tục đảm bảo thuốc điều trị; tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

3. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình phòng, chống dịch COVID-19; tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, nhất là nhóm 5 đến dưới 12 tuổi. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà; tăng cường truyền thông về tiêm chủng và vận động đưa trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 an toàn.

### Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Trường Sơn**

**Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021**

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 14/4	Số mắc ngày 15/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 15/4	Số tử vong tích lũy đến 14/4
<b>Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:</b>		<b>23.012</b>	<b>20.076</b>	<b>-2936</b>	<b>10.386.584</b>	<b>42.866</b>
1	Hà Nội	1.677	1.425	-252	1.531.044	1.221
2	Hồ Chí Minh	877	743	-134	605.596	20.475
3	Nghệ An	976	865	-111	474.375	145
4	Bình Dương	194	147	-47	382.453	3.459
5	Bắc Giang	682	935	253	378.943	91
6	Vĩnh Phúc	936	813	-123	359.143	19
7	Hải Dương	651	610	-41	356.399	116
8	Bắc Ninh	629	506	-123	336.404	133
9	Quảng Ninh	897	887	-10	328.028	138
10	Phú Thọ	1.279	1094	-185	306.577	92
11	Nam Định	335	262	-73	291.612	148
12	Thái Bình	516	511	-5	261.560	23
13	Hưng Yên	407	309	-98	236.608	5
14	Hòa Bình	234	215	-19	202.040	104
15	Thái Nguyên	587	528	-59	179.146	110
16	Lào Cai	748	548	-200	174.472	37
17	Thanh Hóa	112	119	7	165.622	104
18	Đắc Lắc	850	671	-179	164.757	179
19	Lạng Sơn	520	405	-115	153.769	84
20	Cà Mau	211	184	-27	149.266	352
21	Tuyên Quang	729	687	-42	149.709	14
22	Sơn La	350	353	3	147.500	
23	Yên Bái	945	895	-50	141.888	13
24	Bình Định	252	248	-4	137.493	280
25	Tây Ninh	267	231	-36	135.971	868
26	Quảng Bình	626	532	-94	122.039	75
27	Hải Phòng	151	106	-45	119.024	135
28	Hà Giang	113	202	89	118.959	81
29	Khánh Hòa	92	61	-31	117.329	353
30	Bình Phước	244	210	-34	116.477	220
31	Đồng Nai	16	13	-3	106.558	1.847
32	BRVT	143	106	-37	104.369	483
33	Đà Nẵng	316	190	-126	99.998	326
34	Vĩnh Long	227	196	-31	98.966	810
35	Ninh Bình	360	265	-95	97.406	90
36	Bến Tre	216	94	-122	95.454	469
37	Cao Bằng	429	336	-93	91.871	56
38	Lâm Đồng	489	302	-187	88.991	135
39	Điện Biên	300	206	-94	86.089	19
40	Hà Nam	254	262	8	81.832	61
41	Quảng Trị	387	269	-118	79.224	36
42	Lai Châu	244	225	-19	71.582	
43	Bắc Kạn	715	595	-120	69.514	27
44	Trà Vinh	28	33	5	65.340	293
45	Gia Lai	323	361	38	64.329	113

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 14/4	Số mắc ngày 15/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 15/4	Số tử vong tích lũy đến 14/4
46	Đắc Nông	207	148	-59	52.627	46
47	Phú Yên	82	150	68	51.910	135
48	Bình Thuận	67	97	30	51.876	468
49	Đồng Tháp	79	2	-77	50.335	992
50	Cần Thơ	18	14	-4	49.359	938
51	Long An	81	62	-19	48.516	990
52	Quảng Nam	232	226	-6	47.362	137
53	Hà Tĩnh	273	255	-18	47.166	48
54	Bạc Liêu	32	31	-1	46.152	467
55	Quảng Ngãi	152	110	-42	46.372	122
56	T.T.Huế	94	92	-2	45.723	172
57	An Giang	43	71	28	40.960	1.376
58	Kiên Giang	50	23	-27	39.553	1.008
59	Tiền Giang			0	36.184	1.220
60	Sóc Trăng	16		-16	34.490	621
61	Kon Tum	25	25	0	26.135	
62	Hậu Giang	5	7	2	17.459	230
63	Ninh Thuận	22	8	-14	8.679	57
<b>14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:</b>						
<b>Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:</b>					<b>202</b>	<b>-</b>
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>23.012</b>	<b>20.076</b>	<b>-2.936</b>	<b>10.386.786</b>	<b>42.866</b>

**PHỤ LỤC 2**  
**PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**(Tính đến hết ngày 14/4/2022)**

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 142 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 142 đợt
1	Hà Nội	17.859.264	6.233.417	6.010.605	0	217.372	4.379.974	702.666	680.165	18.224.199	102,0%
2	Hải Phòng	4.446.596	1.699.513	1.627.622	0	579.401	456.392	173.649	174.568	4.711.145	105,9%
3	Thái Bình	3.452.650	1.162.181	1.200.122	98.645	301.290	487.551	154.067	147.025	3.550.881	102,8%
4	Nam Định	3.306.350	1.149.988	1.133.192	0	57.360	909.726	158.975	156.350	3.565.591	107,8%
5	Hà Nam	1.834.560	584.841	576.409	0	277.360	312.209	71.440	69.249	1.891.508	103,1%
6	Ninh Bình	1.891.600	675.426	668.271	0	235.215	363.910	82.255	79.446	2.104.523	111,3%
7	Thanh Hoá	7.771.380	2.205.107	2.145.276	290.250	430.326	1.748.660	283.977	281.834	7.385.430	95,0%
8	Bắc Giang	3.725.618	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.101.369	149.985	149.460	4.154.361	111,5%
9	Bắc Ninh	3.231.100	1.137.998	1.096.837	0	360.518	552.811	116.900	111.006	3.376.070	104,5%
10	Phú Thọ	2.747.780	1.003.327	1.001.822	0	287.580	420.878	130.550	127.888	2.972.045	108,2%
11	Vĩnh Phúc	2.436.270	795.389	774.326	0	242.994	402.460	117.004	113.134	2.445.307	100,4%



TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 142 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 142 đợt
12	Hải Duong	3.684.276	1.336.461	1.293.269	6.607	102.283	703.595	157.247	155.092	3.754.554	101,9%
13	Hưng Yên	2.470.362	822.811	798.818	0	310.914	385.763	110.591	110.075	2.538.972	102,8%
14	Thái Nguyên	2.785.620	916.705	888.549	12.792	208.973	368.443	111.273	108.257	2.614.992	93,9%
15	Bắc Cạn	638.580	220.875	219.147	0	14.011	130.942	25.707	24.809	635.491	99,5%
16	Quảng Ninh	3.301.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	3.168.656	96,0%
17	Hoà Bình	1.722.118	558.835	532.045	758	238.508	193.525	76.963	72.961	1.673.595	97,2%
18	Nghệ An	6.017.390	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	103,7%
19	Hà Tĩnh	2.400.670	804.869	740.576	0	271.975	187.855	114.027	112.309	2.231.611	93,0%
20	Lai Châu	854.010	257.166	247.118	529	108.397	101.255	54.439	48.734	817.638	95,7%
21	Lạng Sơn	1.748.830	512.004	503.579	0	0	433.147	66.528	62.859	1.578.117	90,2%
22	Tuyên Quang	1.527.140	493.748	491.893	0	35.763	346.673	70.237	67.026	1.505.340	98,6%
23	Hà Giang	1.759.360	491.763	480.346	538	210.899	236.171	89.409	87.032	1.596.158	90,7%
24	Cao Bằng	1.086.150	350.923	333.087	0	73.413	130.587	45.554	41.439	975.003	89,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 142 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 142 đợt
25	Yên Bái	1.892.394	518.520	509.343	0	265.402	216.362	80.395	76.365	1.666.387	88,1%
26	Lào Cai	1.685.910	467.706	457.798	0	257.370	160.192	81.706	76.733	1.501.505	89,1%
27	Sơn La	2.146.370	739.989	708.360	2.362	0	395.557	143.971	132.485	2.122.724	98,9%
28	Điện Biên	1.154.960	337.457	320.684	0	232.382	92.862	76.484	63.854	1.123.723	97,3%
<b>Cộng miền Bắc</b>		<b>89.578.676</b>	<b>29.801.560</b>	<b>29.033.252</b>	<b>911.514</b>	<b>6.071.852</b>	<b>16.737.907</b>	<b>3.851.465</b>	<b>3.719.086</b>	<b>90.126.636</b>	<b>100,6%</b>
29	Quảng Bình	1.603.092	540.014	527.049	0	177.135	223.758	81.456	76.404	1.625.816	101,4%
30	Quảng Trị	1.312.572	433.771	418.733	10.622	65.609	242.318	65.024	60.416	1.296.493	98,8%
31	TT- Huế	2.610.106	787.710	768.595	0	281.265	372.277	104.719	99.007	2.413.573	92,5%
32	Tp. Đà Nẵng	2.505.932	881.424	866.437	0	82.409	600.438	102.158	99.989	2.632.855	105,1%
33	Quảng Nam	3.222.460	1.085.459	1.054.514	32.417	420.271	370.147	132.605	130.337	3.225.750	100,1%
34	Quảng Ngãi	2.765.464	852.824	812.822	0	125.013	526.255	114.198	112.187	2.543.299	92,0%
35	Bình Định	3.020.070	1.054.637	1.021.253	53.961	364.759	426.999	141.496	139.562	3.202.667	106,0%
36	Phú Yên	1.740.454	626.892	602.548	508	81.418	300.201	87.336	80.004	1.778.907	102,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 142 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 142 đợt
37	Khánh Hòa	2.775.958	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.282	114.960	2.919.208	105,2%
38	Ninh Thuận	1.238.410	432.602	404.351	0	155.969	178.961	61.894	59.231	1.293.008	104,4%
39	Bình Thuận	2.731.980	915.809	889.180	7.207	280.673	211.107	132.735	130.653	2.567.364	94,0%
<b>Cộng miền Trung</b>		<b>25.526.498</b>	<b>8.590.842</b>	<b>8.318.401</b>	<b>104.715</b>	<b>2.430.105</b>	<b>3.806.224</b>	<b>1.145.903</b>	<b>1.102.750</b>	<b>25.498.940</b>	<b>99,9%</b>
40	Kon Tum	1.053.040	321.500	321.611	10.696	94.935	116.660	59.066	55.828	980.296	93,1%
41	Gia Lai	3.005.752	996.091	921.737	80.425	216.022	303.414	169.499	151.549	2.838.737	94,4%
42	Đắk Lắk	3.612.300	1.261.028	1.203.577	0	519.863	279.316	182.529	168.994	3.615.307	100,1%
43	Đắk Nông	1.358.040	403.319	399.800	0	212.786	142.026	68.070	65.742	1.291.743	95,1%
<b>Cộng Tây Nguyên</b>		<b>9.029.132</b>	<b>2.981.938</b>	<b>2.846.725</b>	<b>91.121</b>	<b>1.043.606</b>	<b>841.416</b>	<b>479.164</b>	<b>442.113</b>	<b>8.726.083</b>	<b>96,6%</b>
44	TP. HCM	20.437.320	7.396.693	6.687.328	0	682.315	4.258.860	729.652	686.196	20.441.044	100,0%
45	BR-VT	2.766.126	971.107	912.330	0	28.675	657.367	110.539	109.284	2.789.302	100,8%
46	Đồng Nai	6.694.800	2.839.933	2.745.823	0	179.707	730.844	284.677	274.559	7.055.543	105,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 142 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 142 đợt
47	Tiền Giang	3.894.990	1.325.434	1.280.243	131.237	107.045	833.290	157.075	158.134	3.992.458	102,5%
48	Long An	4.351.796	1.501.599	1.465.452	0	22.912	1.146.719	172.302	157.922	4.466.906	102,6%
49	Lâm Đồng	3.040.080	983.340	967.878	0	527.992	256.554	140.220	121.295	2.997.279	98,6%
50	Tây Ninh	2.724.148	948.905	896.548	0	32.471	507.711	109.066	100.641	2.595.342	95,3%
51	Cần Thơ	2.803.758	945.127	927.277	6.014	343.978	323.372	110.619	103.499	2.759.886	98,4%
52	Sóc Trăng	3.126.634	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	2.711.508	86,7%
53	An Giang	4.329.110	1.377.250	1.362.474	191.888	473.967	422.834	206.969	191.361	4.226.743	97,6%
54	Bến Tre	3.118.338	1.024.681	1.013.306	0	479.936	300.849	106.936	105.728	3.031.436	97,2%
55	Trà Vinh	2.128.310	698.874	685.171	0	14.376	519.707	98.647	94.348	2.111.123	99,2%
56	Vĩnh Long	2.630.620	779.033	765.619	0	290.698	349.957	92.890	88.112	2.366.309	90,0%
57	Đồng Tháp	3.768.206	1.161.088	1.201.523	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.347.982	88,8%
58	Bình Dương	6.341.852	2.634.142	2.196.403	0	163.789	1.380.296	199.855	167.983	6.742.468	106,3%
59	Bình	2.426.404	753.459	723.118	0	221.711	262.527	109.584	100.949	2.171.348	89,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 142 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 142 đợt
	Phước										
60	Kiên Giang	3.806.650	1.238.102	1.176.657	68.972	0	720.303	167.347	159.082	3.530.463	92,7%
61	Cà Mau	2.948.510	819.787	809.044	0	460.649	197.948	112.601	111.924	2.511.953	85,2%
62	Bạc Liêu	1.740.384	568.695	560.900	0	181.396	228.168	88.829	86.211	1.714.199	98,5%
63	Hậu Giang	1.557.934	532.801	514.817	0	254.239	135.810	74.042	71.613	1.583.322	101,6%
<b>Cộng miền Nam</b>		<b>84.635.970</b>	<b>29.399.086</b>	<b>27.757.431</b>	<b>398.259</b>	<b>5.510.009</b>	<b>13.586.235</b>	<b>3.346.587</b>	<b>3.149.007</b>	<b>83.146.614</b>	<b>98,2%</b>

**Ghi chú:**

- 5.787.546 liều vắc xin đợt 136-141 (1.061.760 liều vắc xin AstraZeneca và 4.725.786 liều vắc xin Pfizer) có Quyết định phân bổ ngày 08/4/2022

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.466.765 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 372.762 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

**PHỤ LỤC 3**  
**TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**(Tính đến hết ngày 14/4/2022)**

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	80,4%	100,0%	100,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	93,3%	96,4%	39,2%	100,0%	98,0%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	99,2%	97,8%	78,5%	99,8%	98,2%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,5%	94,2%	51,0%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	54,7%	100,0%	97,2%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	79,3%	99,5%	98,7%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	86,0%	100,0%	99,6%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,2%	95,7%	48,2%	100,0%	95,1%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,3%	99,1%	41,6%	100,0%	99,3%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	98,0%	51,0%	100,0%	97,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,4%	96,2%	52,3%	99,8%	98,4%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	46,7%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	40,1%	100,0%	100,0%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	100,0%	99,5%	59,5%	100,0%	98,4%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	98,0%	93,3%	33,9%	100,0%	99,0%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	93,1%	23,6%	98,8%	97,3%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,4%	94,5%	38,7%	100,0%	92,8%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	99,4%	85,5%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	71,0%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	100,0%	98,0%	48,2%	99,4%	96,8%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,1%	90,3%	35,4%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,8%	42,4%	100,0%	96,5%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	36,0%	100,0%	96,0%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	96,1%	53,7%	100,0%	93,5%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,5%	94,5%	27,4%	100,0%	94,5%
<b>Cộng miền Bắc</b>		<b>28.807.267</b>	<b>3.786.256</b>	<b>100,0%</b>	<b>100,0%</b>	<b>58,1%</b>	<b>100,0%</b>	<b>98,2%</b>

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,7%	97,3%	41,3%	100,0%	96,1%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,6%	92,3%	53,4%	99,3%	92,2%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,5%	47,7%	100,0%	96,0%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	99,6%	97,9%	67,8%	99,9%	97,8%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	99,9%	97,1%	34,1%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	95,3%	61,7%	99,4%	97,7%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,6%	91,6%	38,3%	96,6%	95,3%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,5%	92,7%	46,2%	100,0%	93,4%
37	Khánh Hòa	952.940	113.857	100,0%	100,0%	37,1%	100,0%	100,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,7%	43,7%	100,0%	100,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,5%	23,4%	100,0%	100,0%
<b>Cộng miền Trung</b>		<b>8.629.332</b>	<b>1.137.927</b>	<b>99,6%</b>	<b>96,4%</b>	<b>44,1%</b>	<b>100,0%</b>	<b>96,9%</b>
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,9%	94,9%	34,4%	97,2%	91,9%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	97,0%	31,9%	100,0%	91,0%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,6%	95,1%	22,1%	98,3%	91,0%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,7%	35,1%	98,9%	95,5%
<b>Cộng Tây Nguyên</b>		<b>2.959.865</b>	<b>481.800</b>	<b>100,0%</b>	<b>96,2%</b>	<b>28,4%</b>	<b>99,5%</b>	<b>91,8%</b>
44	TP. HCM	6.690.998	808.824	100,0%	99,9%	63,7%	90,2%	84,8%



TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,4%	68,7%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	100,0%	29,4%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,4%	64,1%	99,1%	99,8%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	79,0%	100,0%	94,2%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,6%	26,4%	100,0%	92,0%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,9%	53,2%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,7%	97,8%	34,1%	98,1%	91,8%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	100,0%	99,3%	30,8%	100,0%	96,2%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,6%	97,5%	29,0%	100,0%	100,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	74,4%	100,0%	98,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,6%	45,5%	100,0%	96,1%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,5%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.066.553	180.024	100,0%	100,0%	66,8%	100,0%	93,3%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,3%	95,3%	34,6%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,9%	60,5%	96,8%	92,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	24,3%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	98,0%	39,8%	97,8%	94,9%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,4%	96,0%	25,3%	100,0%	100,0%
<b>Cộng miền Nam</b>		<b>27.692.476</b>	<b>3.383.802</b>	<b>100,0%</b>	<b>100,0%</b>	<b>49,1%</b>	<b>100,0%</b>	<b>93,1%</b>

**PHỤ LỤC 4**  
**Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19**  
**của một số Bộ, ngành**

**I. Bộ Quốc phòng**

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 14/4/2022 đến 16h00 ngày 15/4/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 5.352 lượt người (nhập cảnh: 2.966, xuất cảnh: 2.386).
- + Tuyến VN-TQ: 478 lượt người (nhập cảnh: 194, xuất cảnh: 284).
- + Tuyến VN-Lào: 1.834 lượt người (nhập cảnh 1.010, xuất cảnh: 824).
- + Tuyến VN-CPC: 3.040 lượt người (nhập cảnh 1.762; xuất cảnh: 1.278).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 2.091 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 1.966 người (VN-TQ: 02; VN-Lào: 91, VN-CPC: 1.873).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 121 người (VN-TQ: 13; VN-Lào: 01, VN-CPC: 107).
- + Số người trao trả: 04 người (VN-TQ: 04; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

**II. Bộ Công an (Tổ Y tế)**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Tiếp tục theo dõi tình hình dịch COVID-19 trong và ngoài ngành.
- Tham gia Phiếu ý kiến thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về việc cung ứng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi.
- Hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương tổng hợp và cập nhật dữ liệu tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19.
- Điều chuyển vắc xin Pfizer phòng COVID-19 tồn dư của CATP Hà Nội cho các đơn vị thực hiện tiêm chủng.
- Cấp hỗ trợ thuốc, hóa chất, phương tiện phòng hộ cá nhân phòng chống dịch bệnh cho Công an các đơn vị, địa phương.

**2. Công tác thu dung, điều trị COVID-19 tại các Bệnh viện hạng I**

- Cơ sở thu dung, điều trị tại Bệnh viện 19-8: đã thu dung, điều trị 1.534 trường hợp, điều trị khỏi: 635 trường hợp, chuyển điều trị 870 trường hợp, đang điều trị 29 trường hợp.
- Cơ sở thu dung, điều trị tại Bệnh viện 199: đã thu dung, điều trị 525 trường hợp, điều trị khỏi: 505 trường hợp, đang điều trị 20 trường hợp.
- Khu điều trị COVID-19 thuộc Khoa Truyền nhiễm - Bệnh viện 30-4: đã thu dung, điều trị 794 trường hợp, chuyển điều trị 6 trường hợp, điều trị khỏi 758 trường hợp, đang điều trị 30 trường hợp.
- Cơ sở thu dung, điều trị tại Bệnh viện Y học cổ truyền: đã thu dung, điều trị 148 trường hợp, điều trị khỏi 144 trường hợp, đang điều trị 04 trường hợp.

**3. Công tác tiêm chủng**

Tổng số vắc xin Bộ Công an có là: 1.885.872 liều, đã tiêm được 1.820.990 liều, trong đó:

- CBCS, cán bộ hưu, thân nhân CBCS: đã tiêm được 1.339.744 liều, trong đó đã tiêm được 381.035 mũi nhắc lại (mũi 3).

- Cán phạm nhân: đã tiêm được 481.246 liều (mũi 1: 190.677 liều, mũi 2: 169.917 liều, mũi 3: 120.652 liều).

### III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 15/4, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 28 tin/bài tiếng Việt; 22 ảnh trong nước và quốc tế; 18 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 2 đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam.

TTXVN cập nhật thông tin về triển khai tiêm vaccine phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ở một số địa phương; việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do dịch COVID-19; các nước mở cửa nền kinh tế và các nghiên cứu điều trị bệnh nhân COVID-19, hậu COVID-19...

### IV. Bộ Thông tin và truyền thông

#### 1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 12/4, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.577.000 cuộc gọi (ngày 12/4 đã tiếp nhận và xử lý gần 3 nghìn cuộc gọi).

02/4	03/4	04/4	05/4	06/4	07/4	08/4	09/4	10/4	11/4	12/4
2630	1849	2864	3028	2898	2853	2378	2126	1404	1736	2845

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 12/4/2022 đã tiếp nhận hơn 314 nghìn cuộc (ngày 12/4/2022 đã tiếp nhận 09 cuộc).

Tiêu chí	02/4	03/4	04/4	05/4	06/4	07/4	08/4	09/4	10/4	11/4	12/4
Cuộc gọi đến	17	12	18	15	13	21	14	11	08	09	09

#### 2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

##### 2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 44.503.553, chiếm 46,39% dân số, 66,74% số điện thoại thông minh.

##### 3.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.787.436 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 278.178.721

3.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 208.810.706

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 196.448.036

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 94%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.751.397

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐ Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19; tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương...

- Tuyên truyền nâng cao ý thức người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc giảm.

(2) Thông tin về công tác phòng, chống dịch:

- Đại diện Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế chiều ngày 12/4 cho biết, đến thời điểm này theo báo cáo của các đơn vị làm xét nghiệm, giải trình tự gen ở nước ta cho thấy chưa ghi nhận ca mắc COVID-19 nhiễm biến thể phụ mới BA.4 và BA.5 của biến thể Omicron.

- Bản tin phòng chống dịch COVID-19 ngày 12/4 của Bộ Y tế cho biết có 22.804 ca mắc COVID-19 trong cả nước. Trong ngày số bệnh nhân khỏi nhiều gấp 9 lần số mắc mới, với hơn 202.000 ca khỏi.

- WHO đưa thêm 2 biến thể phụ mới của Omicron vào danh sách cần theo dõi: Tổ chức Y tế thế giới đang theo dõi hai biến thể phụ mới của biến thể Omicron là BA.4 và BA.5, hiện đã được ghi nhận tại Nam Phi, Đan Mạch, Botswana, vùng Scotland và vùng England. WHO cho biết đã bắt đầu theo dõi các biến thể phụ này bởi "những đột biến mới này cần được nghiên cứu sâu hơn để hiểu về tác động của chúng đối với khả năng trốn hệ miễn dịch".

(3) Công tác phòng, chống dịch tại địa phương:

- TP. Hồ Chí Minh: Từ 12/4, học sinh không còn học trực tiếp theo tinh thần tự nguyện. Ông Hồ Tấn Minh, Chánh văn phòng Sở GD-ĐT, cho hay văn bản mới ban hành ngày 10/4 sẽ thay thế cho văn bản thực hiện từ ngày 25/1 cho đến nay. Thêm vào

đó, Bộ đã có văn bản yêu cầu các tỉnh thành phải tổ chức dạy học trực tiếp. “Phụ huynh không thể nói tôi không an tâm, tôi cho con tôi ở nhà nữa mà tất cả đều phải đến trường học trực tiếp, trừ trường hợp phải cách ly y tế theo quy định”, ông Minh nói và khẳng định: “Những HS có nguyện vọng và học trực tuyến từ sau tết đến nay, sẽ phải quay trở lại học trực tiếp”.

- Hà Nội:

+ Sở Y tế Hà Nội ngày 12/4 thông báo ghi nhận 1.942 ca COVID-19. Đây là lần đầu sau hơn 100 ngày Hà Nội ghi nhận số ca mắc dưới 2.000.

+ Để chuẩn bị tốt nhất cho Chiến dịch tiêm vaccine COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi, tuần qua, ngành Y tế nhiều địa phương ở Hà Nội đã tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế các điểm tiêm cố định và lưu động về sàng lọc trước tiêm chủng và xử trí một số phản ứng sau tiêm vaccine.

Theo thống kê sơ bộ, Hà Nội có khoảng 950.000 trẻ từ 5 tới dưới 12 tuổi. Đây là các đối tượng nhỏ tuổi nên công tác tiêm chủng cần cẩn trọng từ khám sàng lọc đến chỉ định tiêm, tiêm và theo dõi sau tiêm...

Ninh Bình: Từ ngày 12.4, tất cả các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đều tổ chức đón trẻ đến trường trở lại sau một thời gian dài nghỉ để phòng dịch COVID-19. Tuy nhiên, trong ngày đầu đón trẻ trở lại, nhiều phụ huynh vẫn e dè chưa cho trẻ tới trường.

Trong ngày 12/4, có 41.059/63.752 trẻ tới trường, đạt tỷ lệ 64,4%. Trong đó, tỷ lệ học sinh nhà trẻ công lập tới trường đạt 55,6%, tỷ lệ nhóm mẫu giáo bậc công lập là 65,9%. Đối với các cơ sở tư thục, tỷ lệ học sinh nhà trẻ đi học đạt 71,9% và tỷ lệ học sinh nhóm mẫu giáo đạt 66,4%.